

TIẾT VII

TRÍ TUỆ VŨ TRỤ

Một vài điều suy gẫm và lập luận phải bên vực cho mọi ý tưởng mới. Chẳng hạn như chắc chắn là người ta quở trách chúng ta vì sự mâu thuẫn biểu kiến sau đây. Chúng ta chối bỏ sự tồn tại của một Thượng Đế hữu thức biết suy tư dựa trên cơ sở là một Thượng Đế như thế phải có điều kiện, hạn chế và bị thay đổi, do đó không vô hạn; còn nếu người ta trình bày với chúng ta ngài là một đấng vĩnh hằng, bất biến và độc lập, chẳng có một hạt vật chất nào nơi mình thì chúng ta xin trả lời rằng đó không phải là một đấng, mà là một nguyên lý mù quáng, bất di bất dịch, một định luật. Thế nhưng họ ắt bảo rằng chúng ta lại tin vào các đấng Dhyana Chohans tức Chơn linh Hành tinh và phú cho các ngài một trí tuệ vũ trụ - và *điều này phải được giải thích*. Lý luận của chúng ta phải được tổng kết ngắn gọn như sau:

(1) Chúng ta chối bỏ mệnh đề phi lý theo đó ngay cả trong một vũ trụ vô biên và vĩnh hằng cũng có hai sự tồn tại ở khắp mọi nơi, vĩnh hằng và vô tận.

(2) Vật chất mà chúng ta biết vốn vĩnh hằng nghĩa là vô thủy; (a) bởi vì vật chất chính là thiên nhiên; (b) bởi vì điều không thể bị tiêu diệt và bất diệt thì tất nhiên phải tồn tại, và do đó nó phải vô thủy vô chung; (c) vì những kinh nghiệm tích lũy được trải qua biết bao nhiêu thời đại cũng như khoa học chính xác đều cho chúng ta thấy rằng vật chất (tức thiên nhiên) tác động do năng lượng đặc thù của chính mình, không một nguyên tử nào trong thiên nhiên lại ở trạng thái tuyệt đối yên nghỉ và do đó nó phải luôn luôn tồn tại, nghĩa là vật liệu của nó hằng thay đổi hình tướng, các tổ hợp và các tính chất, nhưng các nguyên lý hoặc các nguyên tố của nó vốn hoàn toàn bất diệt;

(3) Còn về phần Thượng Đế, vì chẳng ai đã từng có lúc nào thấy được Ngài hay Nó (trừ phi Ngài hay Nó là chính bản thể và bản chất của *vật chất vĩnh hằng, vô biến* này tức là năng lượng và sự *vận động* của nó) cho nên chúng ta không thể coi ngài là vĩnh hằng, vô hạn hoặc tự tại.

Chúng ta từ chối không công nhận một đấng hoặc một sự tồn tại mà chúng ta tuyệt nhiên chẳng biết gì bởi vì (a) không có chỗ dành cho ngài khi có mặt cái loại vật chất mà chúng ta thừa biết những tính chất và phẩm tính không thể chối cãi được của nó. (b) bởi vì nếu ngài hay nó chỉ là một bộ phận của vật chất đó thôi thì thật là nực cười khi quả quyết rằng ngài là đấng làm vận động điều mà bản thân ngài chẳng qua chỉ là một bộ phận tùy thuộc, (c) bởi vì nếu họ bảo chúng ta rằng Thượng Đế là tinh thần thuần túy, tự tại, độc lập với vật chất, một Đấng thiêng liêng ngoài vũ trụ thì chúng ta xin trả lời rằng thậm chí cứ thừa nhận khả năng có một điều bất khả hữu như thế (nghĩa là ngài có tồn tại) thì chúng ta vẫn cứ chủ trương rằng một tinh thần thuần túy phi vật chất không thể là một đấng cai quản hữu thức, thông tuệ; ngài cũng không thể có bất cứ thuộc tính nào mà thần học gán cho ngài, như thế thì một vị Thượng Đế ấy lại trở thành chẳng qua chỉ là một lực mù quáng. Trí thông tuệ mà ta thấy nơi các Đấng Dhyana Chohans là một năng lực chỉ có thể thuộc về các sinh linh có tổ chức và linh hoạt, cho dù vật liệu tổ chức nên các ngài có không thể cân, đong, đo, đếm hoặc đúng hơn là *không thể nhìn thấy* được đến đâu đi chẳng nữa.

Trí thông tuệ đòi hỏi cần phải suy nghĩ; muốn suy nghĩ thì ta cần phải có các ý tưởng; các ý tưởng giả định rằng phải có các giác quan vốn thuộc về thể chất và mang tính vật chất; làm thế nào bất cứ điều gì mang tính vật chất lại có thể thuộc về tinh thần thuần túy? Nếu người ta phản đối rằng tư duy không thể là một tính chất của vật chất thì chúng ta ắt hỏi "Tại sao lại không?" Chúng ta phải có một bằng chứng không thể biện bác được về giả định này trước khi chúng ta có thể chấp nhận nó. Đối với nhà thần học, chúng ta xin thách mắc rằng bởi vì người ta giả định rằng Thượng Đế là đấng

Sáng tạo ra mọi chuyện, cho nên liệu có điều gì ngăn cản Thượng Đế lại không phú cho vật chất năng lực suy tư, và khi người ta trả lời rằng hiển nhiên là ngài không thích làm như thế, rằng đó là một điều bí nhiệm cũng như không thể có được, thì chúng ta lại cứ khẳng khẳng muốn biết *tại sao* vật chất lại không có khả năng tạo ra tinh thần và tư tưởng chẳng bù với tinh thần hoặc tư tưởng của Thượng Đế có khả năng tạo ra hoặc sáng tạo ra vật chất.

Chúng ta không cúi đầu chịu thua trước bí ẩn về tâm trí vì chúng ta *đã giải quyết được điều đó cách đây hằng bao nhiêu lâu rồi*. Khi khinh thường bác bỏ thuyết hữu thần, chúng ta cũng bác bỏ thuyết máy tự động vốn cho rằng các trạng thái tâm thức là do sự sắp xếp các phân tử trong bộ óc tạo ra; chúng ta cũng chẳng mấy tôn trọng cái giả thuyết khác theo đó tâm thức tạo ra sự vận động phân tử. Thế thì chúng ta tin vào cái gì? Được thôi, chúng ta tin vào điều mà người ta thường cười nhạo nhiều nhất, đó là *nhiên tố* (Xem bài "Lực là gì và Vật chất là gì?" đăng trong số *Nhà Thông Thiên Học* tháng 9) và tin vào điều mà một số nhà vật lý học gọi là *nisus* tức là những sự vận động không ngừng nghỉ mặc dù hoàn toàn không nhận thức được (đối với các giác quan bình thường) hoặc là những ứng lực mà một vật thể này tác động lên một vật thể khác; đó là sự mạch động của vật chất trở tức sự sống của vật chất.

Cơ thể của các Chơn linh Hành tinh được tạo ra từ điều mà Priestly và những người khác gọi là *nhiên tố*, còn chúng ta gọi bằng một tên khác – bản thể này ở trạng thái cao nhất (trạng thái thứ bảy) tạo thành cái vật chất cấu tạo nên cơ thể của các đấng Dhyan Chohans cao siêu và thanh khiết nhất, còn dưới dạng thấp nhất tức thô trước nhất (thế mà vẫn không sờ nắm được đến nỗi khoa học gọi nó là năng lượng và lực) được dùng làm lớp vỏ cho các Chơn linh Hành tinh thuộc cấp thấp nhất tức cấp một.

Nói cách khác, chúng ta chỉ tin vào vật chất thô, vật chất với vai trò là thiên nhiên hữu hình, vật chất dưới dạng vô hình là Nguyên thể thiên biến vạn hóa, toàn năng, toàn hiện, vô hình với sự vận động không ngừng nghỉ vốn là sự sống của nó mà thiên nhiên rút sự sống đó ra từ nó, vì thiên nhiên là tổng thể lớn mà không một điều gì có thể tồn tại bên ngoài thiên nhiên. Đó là vì Belfinger có khẳng định rằng: "Vận động là phương thức tồn tại tất yếu bắt nguồn từ bản thể của vật chất, vật chất ấy vận động bằng năng lượng đặc thù của chính mình, sự vận động đó là do lực vốn cố hữu nơi vật chất, sự vận động thiên biến vạn hóa và những hiện tượng bắt nguồn từ đó đều là do tính đa dạng của các tính chất, phẩm chất và tổ hợp mà người ta thấy nguyên thủy có nơi vật chất nguyên sơ"; khoa học của con còn biết về điều đó ít hơn mức một trong những người Tây Tạng cuối con Yak biết về siêu hình học của Kant. Thế thì sự tồn tại của vật chất là một sự thật, sự tồn tại của vận động là một sự thật khác, sự tự tại, vĩnh hằng hoặc bất diệt là sự thật thứ ba, còn cái ý tưởng tinh thần thuần túy là một Đấng hoặc một sự tồn tại – con muốn gọi nó là gì cũng được – chỉ là một điều huyền hoặc, một sự phi lý khổng lồ.

TIẾT VIII

QUÁN THỂ ÂM (AVALOKITESVARA)

Giờ đây khi con đang ở trung tâm trong việc chú giải Phật giáo hiện đại, khi đang có mối quan hệ cá nhân với một số nhà bình luận tài khéo (mà Chư Thiên đã dẫn dắt tới cho chúng ta) thì ta xin con nên lưu ý tới một vài điều thật ra không đáng tin cậy đối với nhận thức của ngay cả những kẻ chưa được điểm đạo, vì những điều này khiến cho công chúng dễ hiểu lầm. Người ta càng đọc những điều suy đoán của Rhys Davids

và Lillie thì người ta càng thấy khó mà tin được những đầu óc chưa được cải tử hoàn sinh của Tây phương lại thâm nhập được vào cốt lõi giáo lý bí hiểm của chúng ta. Cho dù trường hợp của họ có thể là tuyệt vọng thì dường như ta cũng nên mất công trắc nghiệm trực giác của một số hội viên Thông Thiên Học bằng cách trình bày dở dang một hai điều bí nhiệm và bỏ dở chúng để cho họ hoàn tất nốt chuỗi lý luận. Chúng ta xin lấy đối tượng đầu tiên là ông Rhys Davids và chứng tỏ rằng mặc dù ông chỉ thực hiện gián tiếp thì chính ông lại củng cố những ý tưởng phi lý của ông Lillie, ông này tưởng tượng rằng mình đã chứng tỏ được Phật giáo cổ truyền tin vào một Thượng Đế hữu ngã. Tác phẩm "Phật giáo" của Rhys Davids lấp lánh ánh hào quang nội môn bí giáo quan trọng nhất của chúng ta, nhưng dường như nội môn bí giáo này chẳng những vượt ngoài tầm của ông ta mà xét theo biểu kiến thì thậm chí ông cũng không có khả năng nhận thức đầy trí tuệ về nó nữa. Để né tránh "siêu hình học phi lý" cùng với những "điều bịa đặt" của nó, ông đã tạo ra những khó khăn không cần thiết và chúí mũi vào sự hỗn độn rối beng. Ông giống như những người định cư ở mũi Hảo vọng, sống ngay trên những mỏ kim cương mà không hề ngờ tới điều đó.

Ta chỉ nêu ví dụ về định nghĩa Quán thể âm ở trang 202-203. Ở đó ta thấy tác giả nói điều mà bất cứ nhà Huyền bí học nào cũng thấy dường như là phi lý rành rành: "Hồng danh Quán thể âm - nghĩa là 'Đấng nhìn từ trên cao xuống' - chỉ là một sự bịa đặt thuần túy siêu hình. Việc dùng quá khứ phân từ *avalokita* theo nghĩa chủ động rõ ràng là hiển nhiên được dịch sang tiếng Tây Tạng và tiếng Trung Hoa". Sau khi bảo rằng Quán thể âm nghĩa là "Đấng nhìn từ trên xuống" thì ông còn tử tế giải thích thêm "tinh thần của chư Phật hiện diện trong Giáo hội", đây quả thật là đảo ngược hẳn nghĩa lại. Nói cho gọn thì Quán thể âm theo sát nghĩa là "Đấng được nhìn thấy", "Ishvara", hơn nữa hàm ý là tính từ chứ không phải danh từ tức là thuộc về *đấng tự tại* chứ không phải Đấng Tự Tại. Khi được thuyết giải chính xác thì theo một nghĩa nào đó, nó là "tự ngã thiêng liêng do tự ngã nhìn thấy hoặc nhận thức được"; Atman tức nguyên khí thứ bảy khi đã bị tước bỏ hết sự phân biệt Hảo huyền với cội nguồn vũ trụ của mình bèn trở thành đối tượng nhận thức của cá tính tập trung nơi Buddhi, tức nguyên khí thứ sáu, đây là một điều nào đó chỉ xảy ra ở trạng thái Samadhi cao nhất. Điều này được áp dụng cho tiểu vũ trụ. Theo một ý nghĩa khác thì Quán thể âm hàm ý là nguyên khí thứ bảy của *vũ trụ* trên cương vị là đối tượng nhận thức của Bồ đề vũ trụ (tức "Trí tuệ" vũ trụ), vốn là khối tập thể tổng hợp của mọi đấng Dhyana Chohans, trên cương vị là mọi đấng thông tuệ dù lớn hay nhỏ, dù đã tồn tại, đang tồn tại hoặc sẽ tồn tại. Đó không phải là "tinh thần của chư Phật hiện diện trong Giáo hội" mà là tinh thần vũ trụ hiện diện khắp mọi nơi, một đấng là trong đền thờ thiên nhiên, còn một đấng là Atman, tức nguyên khí thứ bảy trong đền thờ con người. Ít ra thì ông Rhys Davids cũng phải nhớ một ẩn dụ quen thuộc (đối với ông) của bậc Cao đồ Ki Tô giáo, môn đồ phái Kabbalah tức thánh Paul: "Con không biết rằng con là đền thờ của Chúa và thần khí của Chúa ngự nơi con ư?" Nếu thế thì ông đã tránh được việc làm cho hồng danh này trở nên rối beng. Mặc dù với vai trò là một nhà ngữ pháp học, ông dò ra được công dụng của "quá khứ phân từ thụ động", thế nhưng bản thân ông còn lâu mới là một thánh Paul được linh hứng khi đã bỏ qua nguyên nhân chân thực và gở gạc cho ngữ pháp của mình bằng la lối đả đảo siêu hình học. Thế nhưng ông trích dẫn *Kinh tạng* của Beale coi là thẩm quyền bài bác sự bịa đặt khi thật ra tác phẩm này có lẽ là tác phẩm duy nhất bằng tiếng Anh dù sao đi nữa cũng giải thích *gần* đúng được thuật ngữ nêu trên ở trang 374.

"Tự Biểu hiện" - bằng cách nào? Người ta ắt thắc mắc như thế. "Ngôn từ tức Vach được coi là Con của sự Biểu lộ của *Tự ngã Vĩnh hằng* và được tôn thờ với hồng danh là Quán thể âm, tức Thượng Đế biểu hiện". Điều này cho thấy rõ Quán thể âm vừa là *Chúa Cha* biểu hiện, vừa là *Chúa Con* biểu hiện; Chúa Con bắt nguồn từ và đồng nhất với Chúa Cha. Nghĩa là Parabrahman và Jivatma, nguyên khí thứ bảy của vũ trụ và nguyên khí thứ bảy đã biệt lập ngã tính, Đấng Thụ Động và Đấng Chủ Động,

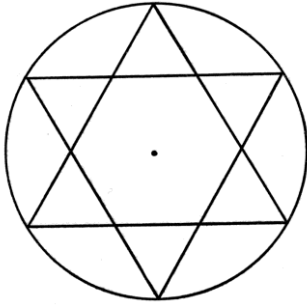
Đấng Chủ Động là Ngôi Lời (con muốn gọi bằng tên gì cũng được) chỉ có điều là xin các Ki Tô hữu vô phước bị hãm huyền này nên biết cho rằng *Đấng Ki Tô* chân thực của mọi Ki Tô hữu chính là Vach, tức "Diệu Âm", trong khi con người Jeshu chẳng qua chỉ là một kẻ phạm phu giống như bất cứ người nào trong chúng ta, ngài là một *Cao đồ* do cố hữu đã thanh khiết chẳng biết gì tới điều ác chân thực chứ không phải vì ngài đã học hỏi với các giáo sĩ Do Thái giáo đã được điểm đạo, cũng như nơi các tu sĩ và đạo trưởng Ai Cập vào thời đó đã nhanh chóng thoái hóa rồi. Beale cũng đã phạm một sai lầm lớn khi đã bảo rằng: "Hồng danh (Avalokitesvara) này ở Trung Hoa có dạng là Quán thế âm và đấng thiêng liêng được sùng bái với hồng danh đó thường được coi là phái nữ". Quán thế âm (Avalokitesvara) tức Diệu Âm biểu hiện của vũ trụ là chủ động và nam tính, và ta không được lẫn lộn nó với Quan Âm (Kwan-yin), tức Buddhi, Hồn thiêng (nguyên khí thứ sáu) vốn là hiện thể của Chúa. Quan Âm là nguyên khí nữ tính tức đấng thụ động biểu hiện, biểu lộ ra cho "mọi tạo vật trong vũ trụ, để giải thoát mọi người khỏi hậu quả của tội lỗi" – Beale dịch như thế, lần này là hoàn toàn chính xác (trang 383) – trong khi Quán thế âm là Chúa Con đồng nhất với Chúa Cha, là *chủ động tuyệt đối*, vì thế cho nên không trực tiếp dính dáng tới các đối tượng của giác quan, do đó bị coi là Thụ động.

Các môn đồ Aristote đã có một mưu mô thông thường xiết bao! Họ khẳng khẳng dùng con chó săn để đuổi theo một ý tưởng tới tận bờ vực thẳm không vượt qua nổi; thế rồi bị dõn vào đường cùng, họ bỏ mặc cho các nhà siêu hình học tự tìm đường mà đi, bằng không thì rán chịu bị lạc đường. Việc một nhà thần học Ki Tô giáo, một nhà truyền giáo có hành động theo đường lối đó thì cũng tự nhiên thôi, vì ngay cả một ít điều mà ta vừa mới nêu ra cũng khiến thiên hạ dễ nhận thấy rằng việc dịch quá chính xác hồng danh Quán thế âm có thể gây ra những hậu quả rất tai hại. Nó chỉ làm cho Giáo hội Ki Tô thấy nguồn gốc chân thực và không chối cãi được những điều bí nhiệm "dễ sợ và không thể hiểu nổi" về một Thể ba Ngôi, về Siêu hóa thể, về sự Thụ thai Vô nhiễm, từ đó mới có ý tưởng về Ngôi Cha, Ngôi Con, Ngôi Thánh thần và Đức Mẹ. Ta dễ dàng *xào bài tùy ý* đối với niên đại học Phật giáo hơn là đối với niên đại học Ấn Độ và Ki Tô giáo. Cho dù có muốn họ cũng không thể xác định được ngày tháng năm sinh của Đức Phật Thích Ca xếp vào sau Công nguyên, cũng như họ mưu tính xếp đặt ngày tháng năm sinh của Krishna. Nhưng tại sao một nhà vô thần và duy vật như ông Rhys Davids lại né tránh việc dịch chính xác các giáo điều của chúng ta ngay cả khi ông ngẫu nhiên hiểu được chúng – không phải ngày nào cũng ngẫu nhiên được như vậy đâu – đây lại là một điều gì đó vô cùng kỳ lạ. Về phương diện này, ông Rhys Davids mù lòa và vô tội lại dẫn ông Lillie tóm lấy cọng rơm được chìa ra và hoan hỉ với ý tưởng cho rằng Phật giáo thật ra có dạy về một vị Thượng Đế hữu ngã.

Liệu Hội Thông Thiên Học Anh quốc của con có biết ý nghĩa của những tam giác đen và trắng lồng vào nhau trong ấn tín của Hội Thông Thiên Học quốc tế mà nó đã chọn dùng hay chẳng? Có cần ta giải thích chẳng? Nhiều người trong các con chắc hẳn có biết rằng tam giác kép mà môn đồ Do Thái giáo kinh Kabalah coi là ấn của vua Solomon, chính là *Sri-an-tara* trong đền thờ Aryen cổ sơ, là "điều bí nhiệm trong số các điều bí nhiệm", là tổng hợp hình học của trọn cả giáo lý huyền bí. Hai tam giác lồng vào nhau là Phật ấn của sự sáng tạo. Chúng bao hàm sự "cầu phương", "điểm kim thạch", các vấn đề lớn về Sống và Chết cũng như bí nhiệm về điều Ác. Đệ tử nào có thể giải thích được điều này xét theo mọi khía cạnh của nó thì hầu như đã là một Cao đồ. Thế thì cái người duy nhất trong các con đạt gần tới mức giải ra được điều bí nhiệm này thì cũng lại là người duy nhất rút ra được một ý tưởng nào từ sách vở ư? Một cách vô ý thức, bà ta đã trình bày cho y (kẻ có được chìa khóa âm tiết đầu tiên từ Hồng danh Khôn tả!

Cổ nhiên con biết rằng tam giác kép tức *Salkir Chakram* của Vishnu tức ngôi sao sáu cánh, chính là thất linh toàn bích. Trong mọi tác phẩm cổ điển bằng tiếng Bắc phạm thuộc phái Phệ đà và mật tông Ấn giáo, con thấy người ta thường đề cập tới số

sáu nhiều hơn số bảy; số bảy có hàm ý là điểm ở trung tâm vì điểm đó là mầm mống của số sáu và là khuôn đúc của nó. Thế thì: điểm trung tâm tượng trưng cho nguyên khí thứ bảy và vòng tròn, tức Mahat Akasha (không gian vô biên) tượng trưng cho nguyên khí thứ bảy của vũ trụ. Theo một nghĩa nào đó thì cả hai đều được coi là Quán thế âm (Avalokitesvara) vì cả hai đều là các tam giác; tam giác hướng lên trên là minh triết ẩn tàng, còn tam giác hướng xuống dưới là minh triết khai thị (trong hiện tượng giới). Vòng tròn biểu thị tính chất bao bọc có biên giới của *Tổng thể*, tức Nguyên khí vũ trụ; từ bất kỳ điểm cho sẵn nào nguyên khí này đều bành trướng ra để bao trùm vạn vật, trong khi nó vẫn thể hiện tiềm năng của mọi tác động trong càn khôn. Ở điểm chính giữa ta có trung tâm



điểm mà vòng tròn được vẽ quanh đó; vòng tròn và trung tâm điểm là *đồng nhất*, mặc dù xét theo quan điểm của *Vô minh* và *Hảo huyền* thì tâm điểm bị ngăn cách với vòng tròn bởi tam giác biểu hiện mà ba cạnh của tam giác này biểu diễn ba *gunas* tức là các thuộc tính hữu hạn. Trong biểu tượng học thì điểm ở trung tâm là Jivatma (nguyên khí thứ bảy), do đó mới có Quán thế âm tức là Diệu Âm biểu hiện, tức Ngôi Lời, tức điểm mầm mống của hoạt động biểu hiện; vì thế cho nên theo ngôn từ của Kì Tô hữu thuộc phái Kabbalah đó là "Ngôi Con của Ngôi Cha và Mẹ, còn theo ngôn từ của chúng ta thì đó là "tự ngã biểu hiện nơi tự ngã", là nhất tâm, "một dạng tồn tại duy nhất", là con của Pháp thân (Dharmakaya), tức bản thể bàng bạc trong vũ trụ, thư hùng lưỡng tính, là Parabrahman tức "Bản sơ Phật" trong khi tác động qua điểm mầm mống ra bên ngoài dưới dạng một lực chủ động thì lại phản tác động từ chu vi vào bên trong dưới dạng Mãnh lực tối cao nhưng ẩn tàng. Tam giác kép là biểu tượng của Đấng Đại Thụ Động và Đại Chủ Động, nam tính và nữ tính, Purusa và Prakriti. Mỗi tam giác là một tam vị nhất thể vì nó trình bày khía cạnh ba ngôi. Tam giác trắng biểu diễn qua những đường thẳng của mình là: tri thức, chủ thể tri thức và đối tượng tri thức. Tam giác đen biểu diễn hình tướng, màu sắc và chất liệu; cũng biểu diễn lực sáng tạo, lực bảo tồn và lực hủy diệt, tất cả đều tương quan với nhau v.v. . .

Con phải ngưỡng mộ và lấy làm kỳ lạ trước sự sáng suốt tuyệt vời của nhà nữ thấu thị đáng chú ý; bà vốn không biết tiếng Bắc phạt hoặc Nam phạt, cho nên không tiếp cận được với kho tàng siêu hình học của chúng ta, thế mà bà thấy được một ánh sáng chói lòa đằng sau dốc đứng tối đen lờm chờm của tôn giáo công truyền. Con thử nghĩ xem làm thế nào mà tác giả quyển "Con đường Toàn bích" lại biết được Adonai là Ngôi Con chứ không phải Ngôi Cha, còn ngôi thứ ba trong Tam vị Nhất thể Kì Tô giáo lại là nữ tính? Thật vậy có nhiều lần trong tác phẩm đó bà đã sờ được vào yếu tố chính của Huyền bí học. Chỉ có điều là vị mệnh phụ cứ khăng khăng chẳng thèm giải thích một lời nào mà cứ sử dụng thuật ngữ "Thượng Đế" trong tác phẩm của mình, liệu bà có biết mình đã tiến gần tới giáo lý của chúng ta đến chừng nào hay chẳng khi bà bảo rằng: "Vì có Cha là Tinh thần tức *Sự Sống* (vòng tròn vô tận tức Parabrahman), còn Mẹ là Thái Uyên tức chất liệu (tức Prakriti ở tình trạng chưa biến dị) cho nên Adonai có được mãnh lực của cả hai và vận dụng được quyền năng lưỡng tính của vạn vật". Chúng ta xin nói rằng quyền năng *tam bội* nhưng theo nghĩa được trình bày sau đây. Pythagore thật chí lý khi chẳng bao giờ dùng con số hữu hạn vô tích sự là con số hai, và hoàn toàn vứt bỏ con số này. Khi biểu lộ ra thì *một* chỉ có thể trở thành ba. Lưỡng nguyên đơn giản vẫn còn thụ động và bị che giấu cho nên vẫn chưa biểu hiện. Chơn thần lưỡng tính (nguyên khí thứ sáu và nguyên khí thứ bảy) muốn biểu thị thành Ngôi Lời tức Quán thế âm thì trước hết phải trở thành tam nguyên (nguyên khí thứ bảy, nguyên khí thứ sáu và 1/2 nguyên khí thứ năm); thế rồi trong lòng Thái Uyên khi thu hút *vòng tròn nhất như* vào bên trong mình nó mới tạo ra từ đó hình vuông toàn bích, như vậy mới "cầu phương" được – bạn hỡi, đó là bí nhiệm lớn nhất trong mọi điều bí nhiệm – và mới ghi khắc Ngôi Lời tức Hồng danh

Khôn tả vào bên trong hình vuông, bằng không lưỡng nguyên chẳng bao giờ có thể nấn ná được như vậy, và rồi ra bị hấp thụ trở lại vào *nhất nguyên* "Thái Uyên" chính là không gian, thư hùng lưỡng tính, là "Purusa" tức Brahma hít thở trong thời gian vĩnh hằng; khi "Brahma" hít vào thì Prakriti (với vai trò là chất liệu biểu hiện) biến mất vào trong lòng Thái Uyên; khi Brahma thở ra thì Prakriti xuất hiện trở lại thành Hảo huyền Maya – câu kinh nói như vậy. Thực tại nhất như chính là Mulaprakriti tức chất liệu chưa biến dị, là "cội rễ không do cội rễ nào sinh ra". . . Nhưng chúng ta phải dừng lại ở đây kéo chẳng còn lại bao nhiêu cho trực giác của chính con nằm bắt.

Được thôi, nhà hình học của Hội Hoàng gia cũng đâu có biết rằng sự phi lý biểu kiến trong việc toan tính cầu phương có che giấu một bí nhiệm khôn tả. Trong những hòn đá tảng mà ông Roden Noel suy đoán về Thể Hô Hấp . . . của Chúa, cũng như trong các mảnh vụn của tác phẩm "Một Cơ sở Mới cho Niềm tin Bất tử" của ông Farmer cũng hầu như không tìm thấy được điều đó và đối với nhiều đầu óc siêu hình như thế, thì thật là hoài công khi muốn tiết lộ sự thật vòng tròn vô hiện tức Ngôi Cha, tức Sự Sống Tuyệt Đối không hề tồn tại bên ngoài Tam giác và Hình vuông Toàn bích, nó chỉ biểu hiện nơi Ngôi Con và khi đảo ngược tác động lại để trở về trạng thái nhất nguyên tuyệt đối thì hình vuông một lần nữa bành trướng thành ra hình tròn để cho "Ngôi Con trở lại trong lòng Ngôi Cha". Nó cứ ở lại đó cho đến khi mẹ của nó réo gọi, "Thái Uyên" là mẹ nó gọi nó biểu hiện trở lại một *tam nguyên*, Ngôi Con tham gia ngay vào bản thể Ngôi Cha và Ngôi Mẹ; Ngôi Mẹ là chất liệu hoạt động tức Prakriti ở tình trạng đã biến dị. Trong một bộ khảo luận của phái Ngộ Đạo, Chúa Jesus có dạy "Mẹ ta (Sophia tức minh triết biểu hiện) mang ta đi" và ngài yêu cầu đệ tử nấn ná *cho tới khi ngài phục lâm* . . . Ta chỉ có thể thấy Ngôi Lời chân thực bằng cách truy nguyên bí nhiệm biến chuyển vào bên trong và ra bên ngoài khi Sự Sống Vĩnh Hằng trải qua các trạng thái được tiêu biểu trong ba hình kỷ hà học này.

Sự phê phán trong bài "Một môn sinh Huyền bí học" (sự sắc sảo của y được rèn giũa do không khí miền sơn cước ở nhà y) và những câu trả lời của S.T.K. Chany (tạp chí *Nhà Thông Thiên Học* số tháng 6) vì một phần sự trình bày các vành và vòng của con tuyệt nhiên không được làm xáo trộn hoặc phiền toái cho sự bình tĩnh triết học của con. Đúng như người Đệ tử ở Pondicherry của chúng ta có nói, con cũng như bất kỳ người nào khác chưa vượt qua ngưỡng cửa đạo thì sẽ chẳng bao giờ có được "thuyết hoàn chỉnh" về sự tiến hóa được dạy dỗ ra, trừ phi bản thân y tự suy đoán lấy. Nếu có ai gỡ rối được thuyết tiến hóa đó từ mở sợi chỉ rối beng được ban ra cho y thì rất tốt, đó quả thật là bằng chứng hùng hồn về sự giác ngộ tâm linh của y. Một số người đã đạt *gần tới mức đó*. Thế nhưng luôn luôn phần tốt nhất của họ vẫn có sai lầm, sắc thái và quan niệm lệch lạc – bóng dáng của Manas phóng chiếu qua môi trường Buddhi – chúng tỏ định luật vĩnh hằng mà chỉ có tinh thần không bị trói buộc mới thấy được những sự vật của tinh thần không có bức màn che. Không một kẻ nghiệp dư chưa được dạy dỗ nào có thể cạnh tranh được về mức độ am tường trong lãnh vực khảo cứu này. Thế nhưng những nhà Khai huyền chân thực của thế giới thì ít, nhưng những kẻ Cứu nhân Độ thế giả hiệu thì đầy dẫy, và cũng may chứ nếu những sự thoáng thấy ánh sáng nửa vời của họ mà giống như Hồi giáo cưỡng chế bằng mũi nhọn của lưỡi gươm hoặc giống như thần học của Ki Tô giáo với những giàn hỏa thiêu và những phòng tra tấn. Các *Mảnh vụn Chân lý* của con có chứa một số điều sai lầm (mặc dù rất ít) chỉ vì hai vị kèm cặp con ở Adyar, một người thì *không chịu*, còn một người thì *không thể* nói cho con biết. Phần còn lại không thể được gọi là sai lầm mà đúng hơn là giải thích chưa được hoàn chỉnh. Những điều này một phần là do con được giáo dục bất toàn về đề tài vừa qua – ta ngụ ý là những sự *qui nguyên* bao giờ cũng mang tính cách đe dọa – một phần là do chúng chỉ sẵn có những phương tiện ngôn ngữ tồi tàn và còn một phần nữa là do sự dè dặt mà qui tắc áp đặt lên chúng ta. Thế nhưng nếu xét tới mọi điều thì những sự sai lầm chỉ ít thôi và lật vặt, còn về phần sự sai lầm được nêu ra trong bài "Một Môn sinh" v.v. . . (Marcus Aurelius ở Simla) trong

bức thư số bảy của con thì con ắt lấy làm thú vị mà biết rằng mọi sai lầm trong đó cho dù giờ đây dường như là mâu thuẫn đối với con thì có thể được dễ dàng dung hòa với những sự kiện (nó dường như tất yếu là như vậy).

Điều rắc rối là (a) người ta không thể cung cấp cho con những con số thật sự và thời đại khác nhau trong các Cuộc tuần hoàn, (b) con không mở cửa đủ để đón tiếp những nhà thám hiểm. Nhà thần thị lỗi lạc ở Hội Thông Thiên Học Anh quốc và các sinh linh thông tuệ bao vây quanh bà (ta ngụ ý là hiện thân nơi bà) có thể giúp con thấy được các kế hoạch, dù sao đi nữa thì con hãy rán lên "Khi ta cố gắng thì chẳng có gì bị mất đi đâu cả". Con chia sẻ với mọi người sơ cơ khuynh hướng quá mạnh mẽ rút ra những điều suy diễn từ những điều bóng gió chỉ được linh hội có một phần, rồi dựa vào đó mà giáo điều hóa như thể người ta đã nói hết lời cuối cùng. Đến đúng lúc thì con sẽ chỉnh đốn lại điều này. Con có thể hiểu lầm chúng ta (rất có thể như vậy) vì ngôn ngữ của chúng ta lúc nào cũng ít nhiều mang tính cách ẩn dụ và gợi ý khi bước vào những địa hạt bị cấm; chúng ta có cách diễn tả đặc thù của riêng mình và điều nằm phía sau bức hàng rào ngôn ngữ thậm chí còn quan trọng hơn điều mà con đọc thấy, nhưng thôi hãy rán lên! Có lẽ nếu ông S. Moses [W. Stainton Moses là nhà thần linh học, viết sách với bút hiệu là "M. A. (Oxon)"] có thể biết điều được nói với ông ta về các đấng Thông tuệ hướng dẫn ông ngụ ý là gì thì ông ắt thấy mọi thứ đều *đúng hoàn toàn*. Vì ông ta là một người tăng trưởng về mặt hướng nội, cho nên sẽ có ngày ông ta hòa giải hoàn toàn với các "nhà Huyền bí học". Ai biết đâu được?